

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh: 410600201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là: 198.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 92 - 94 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Đào Duy Kha	Thành viên
Bà Cán Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

**Ban giám đốc**

Ông Nguyễn Khắc Long	Tổng giám đốc
Ông Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Kha	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Cao Minh Tâm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Thơm	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Phượng	Thành viên

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã được Bộ Công thương phê duyệt phương án cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang công ty Cổ phần lần 2 vào ngày 30/09/2008 nhưng đến thời điểm hiện tại chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Bộ Công Thương

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ sự kiện đã được trình bày trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Long

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2011

Số: 421/2011//BCKT-BCTC/CPAVIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần nhựa Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (“Công ty”) từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 03 tháng 05 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi không tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục hàng tồn kho, tài sản cố định trên Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

**Hạn chế xử lý kế toán**

Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa thực hiện việc đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II và Công ty SFECO. Theo ước tính của Kiểm toán viên việc đánh giá chênh lệch tỷ giá sẽ làm cho công nợ vay trên tăng lên lần lượt là: 16.520.562.074 đồng và 2.159.778.718 đồng. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng. Công ty đang xử lý số dư có gốc ngoại tệ này theo Công văn số 1571/BTC-TCDN ngày 29 tháng 01 năm 2011.

Căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 214/NVN ngày 07 tháng 04 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Công ty TNHH Tài Tâm về việc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cho Công ty TNHH Tài Tâm thuê tòa nhà Vinaplast tại 39A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Theo đó, doanh thu từ hoạt động cho thuê năm 2010 là 4.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty đã ghi nhận doanh thu là 7.050.909.890 đồng, chênh lệch số tiền là: 2.950.909.890 đồng. Việc ghi nhận như trên sẽ làm kết quả kinh doanh của Công ty tăng lên số tiền tương ứng là 2.950.909.890 đồng.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Lưu ý:**

Tại ngày 31/12/2010, Công ty đang ghi nhận khoản chênh lệch tài sản do đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa với số tiền là 14.976.103.074 đồng, tuy nhiên tại ngày phát hành Báo cáo Kiểm toán Công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Bộ Công thương.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng đầu tư vào các Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước và Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina. Theo ước tính của Kiểm toán viên thì Công ty cần trích lập dự phòng các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2010 lần lượt là 1.285.303.056 đồng và 21.278.393.612 đồng. Tuy nhiên, căn cứ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 quy định: Đối tượng là các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh... và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Các công ty này đang lỗ theo kế hoạch đã xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư là 2 năm từ năm 2009 đến năm 2010.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính Phần thuyết minh 5.17 Phần “Thuyết minh Báo cáo tài chính” về khoản phải trả Công ty SFECO.



**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
 Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2011

**Nguyễn Tiến Trình**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1806/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>238.893.934.217</b>	<b>189.417.086.774</b>
<b>I- Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>29.961.876.263</b>	<b>24.886.746.218</b>
1. Tiền	111		14.961.876.263	24.886.746.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>169.981.926.806</b>	<b>124.138.021.978</b>
1. Phải thu khách hàng	131		131.365.501.237	77.114.084.575
2. Trả trước cho người bán	132		3.695.186.428	5.092.707.816
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	35.264.465.117	42.027.781.348
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(343.225.976)	(96.551.761)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>28.921.237.270</b>	<b>28.913.884.051</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	28.921.237.270	28.913.884.051
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.028.893.878</b>	<b>11.478.434.527</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	286.470.761	764.755.797
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.269.443.219	5.657.546.534
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	23.352.037	105.808.551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	5.449.627.861	4.950.323.645
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>318.308.990.038</b>	<b>392.520.218.609</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>121.702.533.962</b>	<b>157.950.525.736</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	112.375.337.744	91.459.125.151
- Nguyên giá	222		148.055.269.129	116.977.913.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.679.931.385)	(25.518.788.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.652.953.621	34.502.385.135
- Nguyên giá	228		11.560.690.711	37.692.946.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.907.737.090)	(3.190.561.401)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	674.242.597	31.989.015.450
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>20.511.089.863</b>
1. Nguyên giá	241		-	24.495.385.042
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(3.984.295.179)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>195.458.218.174</b>	<b>205.339.524.704</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	28.800.247.137	27.500.247.137
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	166.057.251.037	170.181.007.567
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	600.720.000	7.658.270.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.148.237.902</b>	<b>8.719.078.306</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.148.237.902	8.719.078.306
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>557.202.924.255</b>	<b>581.937.305.383</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>365.283.473.966</b>	<b>402.812.049.141</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.528.254.481</b>	<b>210.571.484.461</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	169.021.223.682	163.319.929.838
2. Phải trả người bán	312		45.773.221.809	30.231.307.804
3. Người mua trả tiền trước	313		1.462.240.382	3.432.350.385
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	1.183.225.428	496.841.805
5. Phải trả người lao động	315		134.208.923	262.421.064
6. Chi phí phải trả	316		94.434.812	413.560.558
7. Phải trả nội bộ	317		-	56.358.787
9. Các khoản phải trả, nợ ngắn hạn khác	319	5.16	19.859.699.445	12.341.621.098
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	17.093.122
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>127.755.219.485</b>	<b>192.240.564.680</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.17	23.688.263.576	23.688.263.576
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	95.051.385.135	160.879.903.421
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		24.939.912	39.464.276
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.19	8.990.630.862	7.632.933.407
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>191.919.450.289</b>	<b>179.125.256.242</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>191.676.650.289</b>	<b>179.125.256.242</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		198.617.465.907	198.617.465.907
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		(14.976.103.074)	(14.976.103.074)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(250.623.390)	(10.162.572.080)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		275.211.745	275.211.745
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		161.680.492	161.680.492
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.849.018.609	5.209.573.252
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>242.800.000</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		242.800.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>557.202.924.255</b>	<b>581.937.305.383</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	31/12/2010
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	17.992.250
5. Ngoại tệ các loại (USD)	56.397,63

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú chi thường cổ tức bằng cổ phiếu là 4%/cổ phần. Như vậy, số cổ phần tăng thêm là: 35.496 cổ phiếu (887.400 cổ phiếu x 4%).



Nguyễn Khắc Long

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2011

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	771.354.159.621	527.673.428.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	6.207.826.948	2.573.996.878
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	765.146.332.673	525.099.431.403
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	729.669.050.003	480.222.502.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		<b>35.477.282.670</b>	<b>44.876.928.943</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	15.341.789.674	19.121.735.470
7. Chi phí tài chính	22	5.23	26.276.779.824	24.551.553.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.012.759.743</i>	<i>21.750.284.106</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.24	8.031.179.360	2.775.158.154
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.25	18.551.644.929	26.406.515.460
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		<b>(2.040.531.769)</b>	<b>10.265.437.625</b>
11. Thu nhập khác	31	5.26	84.379.288.976	896.315.089
12. Chi phí khác	32	5.26	65.134.144.483	79.412.152
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		<b>19.245.144.493</b>	<b>816.902.937</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		<b>17.204.612.724</b>	<b>11.082.340.562</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	4.788.029.802	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		<b>12.416.582.922</b>	<b>11.082.340.562</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	627	560



Nguyễn Khắc Long

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2011

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD</b>			
1. Tiền thu từ BH, CCDV và doanh thu khác	01	813.016.830.941	543.923.468.366
2. Tiền chi trả cho người CCHH và dịch vụ	02	(593.645.884.916)	(294.886.179.499)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.120.632.565)	(6.786.745.078)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(31.341.030.675)	(21.720.240.530)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.153.329.192)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	190.688.446.078	445.880.084.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(292.248.157.238)	(559.028.107.371)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>	<b>20</b>	<b>73.196.242.433</b>	<b>107.382.280.275</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để MS, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(2.118.599.570)	(1.776.533.384)
2. Tiền thu từ TL, NB TSCĐ và TSHD khác	22	48.105.000.000	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua CCC nợ đơn vị khác	23	(108.300.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán CCC nợ đ.vi khác	24	217.850.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.627.750.000)	(1.502.671.621)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.451.329.049	1.530.939.131
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>42.919.529.479</b>	<b>(1.657.356.783)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	223.821.895.985
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	517.705.383.405	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(626.132.710.877)	(315.111.573.840)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.563.080.202)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(110.990.407.674)</b>	<b>(91.289.677.855)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.125.364.238</b>	<b>14.435.245.637</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>24.886.746.218</b>	<b>10.471.684.870</b>
A/Hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	(50.234.193)	(20.184.289)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>29.961.876.263</b>	<b>24.886.746.218</b>



Nguyễn Khắc Long

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2011

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh: 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là: 198.000.000.000 đồng, cụ thể:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ sở hữu vốn
1	Vốn nhà nước	13.165.429	131.654.290.000	66,49%
2	Các cổ đông khác	6.634.571	66.345.710.000	33,51%
	<b>Tổng</b>	<b>19.800.000</b>	<b>198.000.000.000</b>	

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam  
 Tên giao dịch : Vietnam Plastic Corporation  
 Tên viết tắt : VINAPLAST CORP

Trụ sở chính của Công ty tại số 92 - 94 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình và sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa. In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở). Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Đại lý ký gửi hàng hóa. Tổ chức hội chợ, triển lãm, kinh doanh dịch vụ quảng cáo, cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính chính, kế toán), nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ: Nhật ký chứng từ

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác (Công ty mẹ). Quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp công ty con hoặc sở hữu gián tiếp công ty con qua một công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong các trường hợp sau đây, quyền kiểm soát cũng được thực hiện ngay cả khi công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con: (a) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết; (b) Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận; (c) Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương; (d) Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy phép Đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Các khoản phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

150  
ĐNC  
P D  
M  
T  
GIẢ

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau. Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa thực hiện việc đánh giá chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II và Công ty SFECO. Theo ước tính của Kiểm toán viên việc đánh giá chênh lệch tỷ giá sẽ làm cho công nợ vay trên tăng lên lần lượt là: 16.520.562.074 đồng và 2.159.778.718 đồng. Theo đó, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

37  
TY  
AN  
TO  
NA  
(-T)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhà 300 B NTT	-	145.979.273
Phí giám định dây chuyền PP	-	76.410.000
Chi phí quản lý hạn mức tín dụng-ACB	-	35.636.364
Xưởng sản xuất dây dai PET	-	154.574.590
Phí sửa, sơn nhà khu Công nghiệp	28.606.560	-
Bảo dưỡng máy biến áp nhà 39 Ngô Quyền	9.143.901	-
Chi phí nhà 92-94 Lý Tự Trọng	-	127.477.980
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	69.745.105	94.320.615
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	178.975.195	130.356.975
<b>Tổng</b>	<b>286.470.761</b>	<b>764.755.797</b>

**5.5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	22.011.275	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	98.088.540
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.340.762	1.380.451
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	6.339.560
<b>Tổng</b>	<b>23.352.037</b>	<b>105.808.551</b>

**5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.022.014	3.288.986
Tạm ứng	2.050.355.167	2.278.766.023
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.388.250.680	2.668.268.636
<b>Tổng</b>	<b>5.449.627.861</b>	<b>4.950.323.645</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

(Đơn vị tính: VND)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2010	6.718.283.386	105.139.163.696	3.820.563.668	1.299.903.192	116.977.913.942
Tăng trong năm	32.385.325.574	180.513.273	546.010.847	93.969.090	33.205.818.784
Mua trong năm	80.000.000	180.513.273	546.010.847	93.969.090	900.493.210
Đầu tư XDCB hoàn thành	32.305.325.574	-	-	-	32.305.325.574
Giảm trong năm	1.729.351.387	-	399.112.210	-	2.128.463.597
Thanh lý, nhượng bán	1.677.866.061	-	399.112.210	-	2.076.978.271
Giảm khác	51.485.326	-	-	-	51.485.326
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>37.374.257.573</b>	<b>105.319.676.969</b>	<b>3.967.462.305</b>	<b>1.393.872.282</b>	<b>148.055.269.129</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2010	3.200.557.106	20.154.571.134	1.472.892.134	690.768.417	25.518.788.791
Tăng trong năm	1.356.179.113	8.873.119.936	310.278.029	203.108.961	10.742.686.039
Khấu hao trong năm	1.356.179.113	8.873.119.936	310.278.029	203.108.961	10.742.686.039
Giảm trong năm	286.942.538	-	294.600.907	-	581.543.445
Thanh lý, nhượng bán	279.475.871	-	294.600.907	-	574.076.778
Giảm khác	7.466.667	-	-	-	7.466.667
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>4.269.793.681</b>	<b>29.027.691.070</b>	<b>1.488.569.256</b>	<b>893.877.378</b>	<b>35.679.931.385</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2010	3.517.726.280	84.984.592.562	2.347.671.534	609.134.775	91.459.125.151
Tại 31/12/2010	33.104.463.892	76.291.985.899	2.478.893.049	499.994.904	112.375.337.744

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 629.802.000 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 349.307.013 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2010	37.692.946.536	-	37.692.946.536
Tăng trong năm	8.571.400.591	342.330.120	8.913.730.711
Mua trong năm		342.330.120	342.330.120
Tăng khác	8.571.400.591		8.571.400.591
Giảm trong năm	35.045.986.536	-	35.045.986.536
Thanh lý, nhượng bán	35.045.986.536		35.045.986.536
Số dư tại 31/12/2010	<u>11.218.360.591</u>	<u>342.330.120</u>	<u>11.560.690.711</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2010	3.190.561.401	-	3.190.561.401
Tăng trong năm	869.144.719	16.229.925	885.374.644
Khấu hao trong năm	869.144.719	16.229.925	885.374.644
Giảm trong năm	1.168.198.955	-	1.168.198.955
Thanh lý, nhượng bán	1.168.198.955		1.168.198.955
Số dư tại 31/12/2010	<u>2.891.507.165</u>	<u>16.229.925</u>	<u>2.907.737.090</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2010	<u>34.502.385.135</u>	<u>326.100.195</u>	<u>34.502.385.135</u>
Tại 31/12/2010	<u>8.326.853.426</u>	<u>-</u>	<u>8.652.953.621</u>

**5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>31/12/2010 VND</u>	<u>01/01/2010 VND</u>
Nhà 39 A Ngô Quyền	-	31.989.015.450
Nhà dịch vụ tổng hợp 2 tầng	660.606.234	-
Dự án nhà máy tái chế phế liệu	13.636.363	-
<b>Tổng</b>	<u>674.242.597</u>	<u>31.989.015.450</u>

**5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>31/12/2010 VND</u>	<u>01/01/2010 VND</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	5.912.450.969	5.912.450.969
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	1.696.306.168	1.696.306.168
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	19.891.490.000	19.891.490.000
Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An	1.300.000.000	-
<b>Tổng</b>	<u>28.800.247.137</u>	<u>27.500.247.137</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết đầu tư Công ty con

Tên đối tượng	Vốn điều lệ	Giá trị Công ty cam kết góp	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/10)
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	10.000.000.000	4.866.200.000	48,66%	5.912.450.969
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	2.400.000.000	1.224.000.000	51,00%	1.696.306.168
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (*)	20.000.000.000	19.891.490.000	99,46%	19.891.490.000
Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An	5.000.000.000	5.000.000.000	100,0%	1.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>32.400.000.000</b>	<b>25.981.690.000</b>		<b>28.800.247.137</b>

(\*) Tính đến ngày 31/12/2010, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đang bị lỗ lũy kế là 1.292.779.201 đồng và Công ty cũng chưa thực hiện lập dự phòng. Do đó, mức dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư này tại ngày 31/12/10 là 1.285.303.056 đồng.

**5.11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.490.745.651	19.049.246.681
Công ty Liên doanh TPC Vina	89.705.850.000	73.407.697.500
Công ty TNHH Mi ăn liền Mesa	-	5.525.920.000
Công ty TNHH Ô tô ch. dùng Hiệp Hòa	-	14.665.238.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	7.315.535.665	7.315.535.665
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	10.537.119.721	7.209.369.721
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	43.008.000.000	43.008.000.000
<b>Tổng</b>	<b>166.057.251.037</b>	<b>170.181.007.567</b>

Thông tin chi tiết đầu tư liên doanh, liên kết

Tên đối tượng	Vốn điều lệ	Giá trị Công ty cam kết góp	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/10)
Công ty LD Việt Thái Plastchem (*)	44.279.528.000	15.490.745.651	27,51%	15.490.745.651
Công ty Liên doanh TPC Vina	598.039.000.000	89.705.850.000	15,00%	89.705.850.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	35.000.000.000	7.516.800.000	21,48%	7.315.535.665
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	40.000.000.000	8.874.000.000	22,19%	10.537.119.721
Công ty Cổ phần Youlchon Vina	143.360.000.000	43.008.000.000	30,00%	43.008.000.000
<b>Tổng</b>	<b>860.678.528.000</b>	<b>164.595.395.651</b>		<b>166.057.251.037</b>

(\*) Giá trị Công ty đã góp vốn vào Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem tương đương với 2,868,270.00 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.12 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cao Duy Vương	13.320.000	13.320.000
Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina	-	6.948.000.000
Hoàng Thị Lan Giang	8.100.000	18.300.000
Vũ Thị Ngọc Lan	59.300.000	-
Nguyễn Quốc Nhật	500.000.000	500.000.000
Lê Thị Kim Phượng	20.000.000	30.000.000
Nguyễn Văn Thạnh	-	131.250.000
Phan Trung Nam	-	14.000.000
Đặng Thị Nguyệt Phượng	-	3.400.000
<b>Tổng</b>	<b>600.720.000</b>	<b>7.658.270.000</b>

**5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền thuê đất Mỹ Phước	-	7.998.609.840
Chi phí nhà Xưởng Tiên Sơn	44.846.330	83.308.000
Chi phí sửa chữa showroom	-	101.094.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	368.851.939	536.066.466
Chi phí trả trước dài hạn khác	734.539.633	-
<b>Tổng</b>	<b>1.148.237.902</b>	<b>8.719.078.306</b>

**5.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>1. Vay tổ chức tín dụng</b>	<b>162.497.247.796</b>	<b>159.955.886.601</b>
Ngân hàng NN và PTNT Sài Gòn (a)	54.995.559.182	36.515.000.000
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Bình Tây	-	13.075.000.000
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (b)	1.174.882.056	3.810.170.537
Ngân hàng NN và PTNT Tp.HCM (c)	6.966.472.588	11.979.515.928
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (d)	99.360.333.970	94.576.200.136
<b>2. Vay cá nhân và tổ chức</b>	<b>2.471.000.000</b>	<b>3.364.043.237</b>
Vay các cá nhân (e)	2.471.000.000	3.364.043.237
<b>3. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.052.975.886</b>	<b>-</b>
Chi nhánh NHPT Khu Vực Bắc Ninh	708.600.000	-
Ngân Hàng ngoại tệ NH PT VN-SGD2	3.344.375.886	-
<b>Tổng</b>	<b>169.021.223.682</b>	<b>163.319.929.838</b>

10  
Y  
VH  
AN  
M  
HN

**5.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(a) Vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng tín dụng số 48/HDTD 2010 (1600 LAV 2010 000422) ngày 10/06/2010. Hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng. Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay 14%/năm, mức lãi suất này thay đổi theo mức lãi suất do ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Trần Hưng Đạo ban hành từng thời điểm. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng 12 tháng, kể từ 31/05/2010 đến 31/05/2011. Hình thức đảm bảo vay là hình thức cho vay tín chấp. Trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, trả lãi định kỳ vào ngày 26 hàng tháng.

(b) Vay Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Hưng Đạo theo hợp đồng tín dụng số LD1007100166 ngày 12/03/2010, hạn mức tín dụng là: 11.000.000.000 đồng, mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo thỏa thuận từng lần nhận nợ, thời hạn vay theo 04 tháng.

(c) Vay của Ngân hàng NN và PTNT Tp.HCM theo hợp đồng số 1700 - LAV ngày 18 tháng 01 năm 2010, hạn mức tín dụng là: 14.000.000.000 đồng, mục đích cho vay là: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, lãi suất theo thỏa thuận từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng, đảm bảo tiền vay bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay; Theo giấy nhận nợ số 1700-LDS-2010059664 ngày 22 tháng 12 năm 2010, số tiền là vay là: 15.984 USD, lãi suất vay: 6.5%/năm

(d) Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP.HCM (Vietbank) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10.HĐTĐHM.09 ngày 29/10/2009. Hạn mức tín dụng và bảo lãnh mở L/C bằng USD và VND tương đương là 100.000.000.000 VND. Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh sản phẩm và nguyên vật liệu nhựa. Thời hạn hiệu lực của HMTD 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay, lãi suất vay được ghi cụ thể trên mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng. Nợ gốc được hoàn trả nhiều lần, tiền lãi được trả hàng tháng, thời điểm bắt đầu trả lãi vay là sau 1 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Tài sản đảm bảo là giá trị vốn góp vào các Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh;

(e) Vay của các đối tượng cá nhân theo hợp đồng 12 tháng, lãi suất vay 16%/năm.

**5.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	76.368.418	75.450.435
Thuế xuất, nhập khẩu	-	99.899.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.637.128	25.495.805
Thuế thu nhập cá nhân	245.825.279	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	271.089.000	271.089.000
Các loại thuế khác	31.305.603	24.906.906
<b>Tổng</b>	<b>1.183.225.428</b>	<b>496.841.805</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm thất nghiệp	47.897	2.888.264
Kinh phí công đoàn	69.217.464	162.686.457
Bảo hiểm xã hội	43.149.863	16.175.383
Phải trả về cổ phần hóa	10.764.590.376	10.764.590.376
Phải trả cổ tức	7.899.257.400	1.316.542.900
Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam	195.672.135	-
Phải trả khác	887.764.310	78.737.718
<b>Tổng</b>	<b>19.859.699.445</b>	<b>12.341.621.098</b>

**5.17 PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty SFECO (*)	23.688.263.576	23.688.263.576
<b>Tổng</b>	<b>23.688.263.576</b>	<b>23.688.263.576</b>

(\*) Đây là số còn lại của Hiệp định vay vốn ưu đãi giữa Chính phủ Việt Nam thay mặt là Bộ Tài Chính với Ngân hàng XNK Trung Quốc ký kết ngày 31/5/2005 về việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA với trị giá là 49,010,105 CNY. Giá trị ngân hàng xác nhận đã là: 39,994,419.23 CNY, còn lại 9,015,785.77 CNY chưa được Ngân hàng Phát triển Tp.HCM xác nhận nên Công ty đang tạm theo dõi đối tượng là: Công ty SFECO.

**5.18 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>99.104.361.021</b>	<b>160.879.903.421</b>
Ngân hàng ĐT và PT Chi nhánh Hà Nội	-	9.500.000.000
Ngân hàng phát triển Tp.HCM - SGD II (a)	98.143.746.406	105.083.336.806
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Bình Tây	-	27.000.000.000
Quỹ hỗ trợ Bắc Ninh - CN NH PT B.Ninh (b)	708.600.000	3.108.600.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị Tp.HCM	-	1.301.952.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam (1986)	252.014.615	252.014.615
Công ty TNHH Mì ăn liền Mesa	-	3.635.000.000
Công ty TNHH Ô tô ch. dùng Hiệp Hòa	-	10.999.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.052.975.886</b>	-
Quỹ hỗ trợ Bắc Ninh - CN NH PT B.Ninh	708.600.000	-
Ngân hàng phát triển Tp.HCM - SGD II	3.344.375.886	-
<b>Tổng</b>	<b>95.051.385.135</b>	<b>160.879.903.421</b>

5.18 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (a) Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 ngày 24/01/2006. Tổng mức vốn cho vay tối đa không quá 49,010,105 CNY ( nhân dân tệ ). Mục đích sử dụng tiền vay "đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in". Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực của Bộ Tài chính thông báo. Lãi suất cho vay là 3,2%/ năm. Phí cho vay lại của quỹ HTPT là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay và được trả cùng thời điểm thu lãi theo nguyên tắc thu đủ số phí phát sinh trong kỳ và Phụ lục hợp đồng số 01A/2006/HĐTD-ODA-TD II bổ sung thời hạn cho vay là 15 năm trong đó có 05 năm ân hạn tính từ ngày 21/03/2006. Công ty trả nợ gốc, lãi 6 tháng một lần vào ngày 10/03 và 10/09 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 10/09/2011. Kỳ trả nợ cuối cùng là 10/3/2021. Số nợ gốc phải thu mỗi kỳ bằng số dư nợ thực tế chia cho số kỳ còn phải trả.
- (b) Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước số 09/2006/HĐTD ngày 22/06/2006. Số tiền vay đầu tư dự án là 16.000.000.000 đồng. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy giấy Tiên Sơn. Thời hạn cho vay là 102 tháng kể từ ngày 08/11/2002. Lãi suất trong hạn là 5,4%/năm

5.20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Doanh thu chưa thực hiện (*)	8.990.630.862	7.632.933.407
<b>Tổng</b>	<b>8.990.630.862</b>	<b>7.632.933.407</b>

(\*) Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là của Hợp đồng thuê nhà số 214/NVN ngày 07 tháng 04 năm 2006 giữa Công ty và Công ty TNHH Tài Tâm về việc Công ty cho thuê Tòa nhà Vinaplast tại 39 A, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Hợp đồng thuê máy nén khí số 339/HĐ-NVN - TCKT ngày 07 tháng 08 năm 2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long.

15  
 ÔN  
 P  
 M  
 IỆ  
 GI

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	198.617.465.907	-	-	-	275.211.745	161.680.492	(3.645.497.867)	195.408.860.277
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	11.082.340.562	11.082.340.562
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.082.340.562	11.082.340.562
<b>Giảm trong năm</b>	-	14.976.103.074	10.162.572.080	10.162.572.080	-	-	2.227.269.443	27.365.944.597
Đánh giá lại tài sản	-	14.976.103.074	-	-	-	-	-	14.976.103.074
Đánh giá lại tỷ giá hối đoái	-	-	10.162.572.080	-	-	-	-	10.162.572.080
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	1.945.932	1.945.932
Chậm nộp thuế	-	-	-	-	-	-	245.323.511	245.323.511
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	198.617.465.907	(14.976.103.074)	(10.162.572.080)	(10.162.572.080)	275.211.745	161.680.492	5.209.573.252	179.125.256.242
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	198.617.465.907	(14.976.103.074)	(10.162.572.080)	(10.162.572.080)	275.211.745	161.680.492	5.209.573.252	179.125.256.242
Tăng trong năm	-	-	-	10.162.572.080	-	-	12.555.046.319	22.717.618.399
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	12.416.582.922	12.416.582.922
Kết chuyển CLTG đầu năm	-	-	-	10.162.572.080	-	-	-	10.162.572.080
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	138.463.397	138.463.397
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	250.623.390	-	-	9.915.600.962	10.166.224.352
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Điều chỉnh lỗ do đánh giá lại	-	-	250.623.390	-	-	-	15.600.962	266.224.352
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	198.617.465.907	(14.976.103.074)	(250.623.390)	(250.623.390)	275.211.745	161.680.492	7.849.018.609	191.676.650.289

Đơn vị tính: VND

MẪU B 09 - DN

Y-T  
TO  
DAI  
STY  
537



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn:**

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ sở hữu vốn
1	Vốn nhà nước	13.165.429	131.654.290.000	66,49%
2	Các cổ đông khác	6.634.571	66.345.710.000	33,51%
	<b>Tổng</b>	<b>19.800.000</b>	<b>198.000.000.000</b>	

**Cổ phiếu**

	31/12/2010 CP	01/01/2010 CP
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>19.800.000</b>	<b>19.800.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>19.800.000</b>	<b>19.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	19.800.000	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>19.800.000</b>	<b>19.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	19.800.000	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**5.22 DOANH THU**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	771.054.809.554	527.673.428.281
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.350.067	-
Giảm giá hàng bán	(219.998.151)	-
Hàng bị trả lại	(5.987.828.797)	(2.573.996.878)
<b>Tổng</b>	<b>765.146.332.673</b>	<b>525.099.431.403</b>

**5.23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	729.619.699.936	480.222.502.460
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49.350.067	-
<b>Tổng</b>	<b>729.669.050.003</b>	<b>480.222.502.460</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.24 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	-	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm	9.124.204.232	6.527.868.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.318.937.800	11.910.343.530
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	581.909.521	342.607.596
Doanh thu hoạt động tài chính khác	316.738.121	340.915.546
<b>Tổng</b>	<b>15.341.789.674</b>	<b>19.121.735.470</b>
<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	-	-
Lãi tiền vay	21.012.759.743	21.750.284.106
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	747.936.790	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.516.073.291	1.786.579.524
Chi phí hoạt động tài chính khác	10.000	1.014.689.544
<b>Tổng</b>	<b>26.276.779.824</b>	<b>24.551.553.174</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>(10.934.990.150)</b>	<b>(5.429.817.704)</b>

**5.25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	146.939.906	3.292.950
Chi phí nhân công	3.398.613.979	125.137.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.554.775.637	2.269.179.556
Chi phí khác bằng tiền	930.849.838	377.548.552
<b>Tổng</b>	<b>8.031.179.360</b>	<b>2.775.158.154</b>

**5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.779.333.056	7.605.024.963
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	480.146.826	266.445.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	642.285.692	298.847.023
Chi phí khấu hao TSCĐ	873.210.365	11.271.670.705
Thuế, phí, lệ phí	2.358.371.483	866.959.877
Chi phí dự phòng	246.674.215	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.386.656.901	3.154.234.804
Chi phí bằng tiền khác	3.784.966.391	2.943.332.812
<b>Tổng</b>	<b>18.551.644.929</b>	<b>26.406.515.460</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.27 THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Thu nhập khác</b>	-	-
Thanh lý tài sản cố định	83.336.727.273	90.909.091
Thanh lý công cụ dụng hòng	141.876.710	404.294.000
Tiêu thụ hàng xuất mẩu	49.542.145	-
Xử lý công nợ	50.906.487	-
Thu nhập khác	800.236.361	401.111.998
<b>Tổng</b>	<b>84.379.288.976</b>	<b>896.315.089</b>
<b>Chi phí khác</b>		-
Chi phí phạt hành chính thuế	5.109.557	-
Phí dịch vụ các loại	20.847.142	45.231.627
Thanh lý tái sản cố định, công cụ	54.890.249.890	-
Chi phí sửa chữa	101.094.000	-
Chi phí thanh lý tài sản	9.663.066.440	-
Xử lý công nợ	20.080.366	-
Chi phí khác	433.697.034	34.180.525
<b>Tổng</b>	<b>65.134.144.483</b>	<b>79.412.152</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>19.245.144.493</b>	<b>816.902.937</b>

**5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lợi nhuận kế toán</b>	<b>17.204.612.724</b>	<b>11.082.340.562</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<b>5.318.937.800</b>	<b>11.082.340.562</b>
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	5.318.937.800	
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.885.674.924</b>	-
- Thu nhập chịu từ chuyển nhượng vốn	300.000.000	-
- Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	18.852.119.209	-
- Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính	(7.266.444.258)	11.082.340.562
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>4.788.029.802</b>	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.788.029.802</b>	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.416.582.922	11.082.340.562
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.416.582.922	11.082.340.562
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	19.800.000	19.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>627</u>	<u>560</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thù lao	328.800.000
<b>Tổng</b>		<u><u>328.800.000</u></u>

*Giao dịch với các bên có liên quan*

Giao dịch mua	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Nhập mua hàng hóa, TSCD, chi phí lắp đặt dây chuyền PP	16.568.946.749
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Nhập mua NVL, TP	328.388.231
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	Nhập hàng hóa và chi phí đào tạo	1.820.794.431
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh	Nhập PVC Compound	4.583.322.910
Công ty LD TPC Vina	Công ty liên doanh	Nhập mua hàng hóa	45.149.602.000
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Nhập mua hàng hóa, và chi phí đào tạo	49.253.805.420
Công ty CP Youl Chon Vina	Công ty liên kết	Nhập mua hàng hóa	270.918.093.329
<b>Tổng</b>			<u><u>388.622.953.070</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên có liên quan (tiếp theo)*

Giao dịch bán	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Bán HH, cho thuê MMTB, tiền lãi, cổ tức, bán TSCD, cho vay, cần trừ công nợ...	57.548.668.336
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Bán bao bì, cổ tức	454.976.610
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh	Phí NK ủy thác, xuất bán PVC và cổ tức	4.893.826.518
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Bán HH, cho thuê MMTB, tiền lãi, cổ tức, bán TSCD, cho vay, cần trừ công nợ...	111.386.724.138
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	Bán HH, cho thuê MMTB, khác	1.568.282.692
<b>Tổng</b>			<b>175.852.478.294</b>

*Số dư với các bên liên quan*

Số dư phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Phải thu khách hàng, cổ tức, lãi quá hạn	40.259.176.043	8.429.320.387
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Phải thu khách hàng, cổ tức, lãi quá hạn	362.231.059	371.353.434
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Phải thu khách hàng, cổ tức	4.513.780.932	665.113.164
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Phải thu khách hàng, cổ tức, lãi quá hạn	20.565.317.876	30.615.675.412
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Phải thu khách hàng	3.305.998.410	1.881.128.242
<b>Tổng</b>		<b>69.006.504.320</b>	<b>41.962.590.639</b>

Số dư phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Phải trả người bán	1.032.117.000	177.500.000
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Phải trả người bán	1.986.997.362	1.893.810.683
Công ty LD TPC Vina	Trả trước người bán	(468.500)	-
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Phải trả người bán	5.514.342.717	-
Công ty CP Youl Chon Vina	Phải trả người bán	35.767.528.195	24.516.147.931
<b>Tổng</b>		<b>44.300.516.774</b>	<b>26.587.458.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.



Nguyễn Khắc Long

Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2011

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

